TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH HANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 46/2023/QĐST-VHNGĐ	*Sầm Sơn, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 47/2023/TLST-VHNGĐ ngày 25/7/2023 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Trung T - sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Lê Thị N - sinh năm 1999;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị Lê Thị N kết hôn với nhau năm năm 2020 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, Thanh Hóa. Quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc vui vẻ được một thời gian ngắn thì phát phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tôn trọng, không quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Từ đầu năm 2022 anh chị ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Trung T và chị Lê Thị N có một con chung là là cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 25/01/2022. Ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con và cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, xét thấy

nên chấp nhận là đúng với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh T, chị N thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Anh, chị thỏa thuận anh Nguyễn Trung T nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có ai thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị Lê Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T, chị N có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 25/01/2022. Giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Trung T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013702 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (anh T đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS Sầm Sơn;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Thị Hà